TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2022
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Như Quỳnh.

2. Ông Trương Công Út.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2022/TLST-HNGĐ, ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Bùi Quang Đ** – sinh năm 1970. Địa chỉ: KP. Kiên Tân, TT. K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: **Bà Phạm Thị B** – sinh năm 1968. Địa chỉ: KP. Kiên Tân, TT. K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ông Bùi Quang Đ trình bày:

Tôi với bà Phạm Thị B chung sống với nhau từ năm 1985 nhưng sau đó mới đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện K vào ngày 24/12/2000. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều bất đồng mâu thuẫn, chủ yếu là trong việc làm ăn kinh tế gia đình, tôi có khuyên bảo vợ nhiều lần về việc mua bán nhưng vợ cương quyết

không nghe, không tôn trọng ý kiến của tôi làm tôi cảm thấy không được tôn trọng, tiếng nói của tôi bị xem nhẹ, không thể làm được trụ cột gia đình. Tôi cũng có nhiều căn bệnh trong người khi nói cho vợ con biết thì cũng không nhận được sư quan tâm chia sẽ từ đó dẫn đến nhiều sự bất mãn nên từ năm 2018, tôi có bỏ nhà đi ra Phú Quốc làm thuê sinh sống, thỉnh thoảng tết tôi cũng về thăm nhà nhưng 01 năm tôi mới về 01 lần vào dịp tết nhất. Từ đó vợ chồng đã sống ly thân với nhau, tôi nhận thấy cuộc sống gia đình ngày càn rạn nứt, không thể hàn gắn được nữa nên tôi xin ly hôn với bà B.

Về việc tôi với bà B cùng ký đơn thuận tình ly hôn có sự chứng kiến của các con vào năm 2016, lúc đó do mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm nên tôi mới yêu cầu bà B ký đơn để các bên trả lại tự do cho nhau không ai ràng buộc ai, bà B cũng tự nguyện ký đơn. Trong quá trình tôi đi làm tại Phú Quốc vào năm 2019 thì cũng có người phụ nữ quan tâm thương tôi nhưng đối với tôi chỉ là sự quan tâm đơn thuần chứ không phải là tình cảm yêu thương trai gái như bà B trình bày. Còn các bất đồng mâu thuẫn đã xảy ra từ lâu nên tôi bất mãn bỏ đi Phú Quốc làm ăn sinh sống cho đến nay.

Về con chung: Chúng tôi có 05 đứa con 1/ Bùi Thị Hồng Xuân, sinh ngày 05/3/1987, 2/ Bùi Quốc Trung, sinh ngày 06/02/1988, 3/ Bùi Thị Hồng Lan, sinh ngày 18/7/1993, 4/ Bùi Quốc Hiếu, sinh ngày 02/6/1997, 5/ Bùi Quốc Thảo, sinh ngày 02/6/1997, các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét giải quyết.

Về nợ chung và tài sản chung: Không có.

- Bà Phạm Thị B trình bày:

Chúng tôi chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn như ông Đ trình bày là đúng. Tuy nhiên về mâu thuẫn gia đình mà ông Đ trình bày là không đúng vì thật sự tôi là người phụ nữ hết mực chăm lo cho cuộc sống gia đình, hàng ngày tôi mua bán để có tiền lo cho kinh tế gia đình và nuôi các con khôn lớn. Việc ông Đ cho rằng chúng tôi mâu thuẫn về kinh tế là không đúng vì tôi mua bán còn ông Đ làm bảo vệ cho công ty xi măng cũng có thu nhập riêng, ông Đ đi làm không đem tiền về, không chăm lo cho gia đình, tôi cũng chưa từng lấy tiền của ông Đ mà kinh tế trong gia đình là do tôi gánh vác. Việc ông Đ nói rằng ông bị bệnh mà không có sự quan tâm của vợ con cũng không đúng vì tôi có quan tâm hỏi han ông Đ nhưng do phải mua bán hàng ngày ở chợ nên không thể thường xuyên và ông Đ cũng ít khi nào đến chợ mua bán phụ tôi.

Ông Đ đã bỏ nhà đi Phú Quốc hơn 04 năm nay để sống với người phụ nữ khác nên kiếm cớ tìm mọi cách ly hôn tôi để đến với người phụ nữ đó một cách

hợp pháp (tôi có nộp đoạn ghi âm kèm theo), ông Đ không còn quan tâm gì đến gia đình vợ con, điện thoại ông Đ không bao giờ bắt máy vì sợ tôi sẽ chửi người phụ nữ sống với ông Đ. Tôi nhận thấy không còn tình cảm gì với ông Đ, việc ông Đ đi đâu làm gì sống với ai thì tôi không còn quan tâm nữa. Nhưng ông Đ yêu cầu ly hôn thì tôi không đồng ý vì tôi không muốn gia đình tan vỡ.

Còn về đơn thuận tình ly hôn thì do ông Đ về quậy phá gia đình, ép buộc tôi và các con phải cùng ký vào đơn để ông Đ có thể tự do đến với người phụ nữ khác.

Tôi nhận thấy cuộc sống gia đình như địa ngục, việc ông Đ làm ảnh hưởng rất lớn đến hạnh phúc gia đình và con cái. Khi ông Đ còn chung sống với tôi thì lúc nào say rượu hay ăn cơm trong gia đình toàn kể chuyện đàn bà, đem chuyện quen với nhiều người phụ khác về khoe khoan với tôi làm cho tôi ghen tức, các con cũng rất buồn đối với ông Đ nhưng ông Đ vẫn tính nào tật nấy không bỏ được. Tôi nhận thấy tôi không có lỗi lầm gì với ông Đ còn ông Đ thì toàn gây ra lỗi lầm đối với tôi nhưng nay ông Đ lại làm đơn ly hôn là không hợp lý.

Về con chung: Chúng tôi có 05 người con như ông Đ trình bày là đúng, các con đã trưởng thành nên tôi không yêu cầu gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Qua xác minh tại khu phố Kiên Tân, thị trấn K cho biết: Vợ chồng ông Đ, bà B ngụ tại địa phương nhưng từ trước đến nay chưa đến khu phố nhờ hòa giải về hôn nhân nên khu phố cũng không nắm được sự việc mâu thuẫn của ông, bà.

Qua xác minh bà Bùi Thị Hồng Lan cho biết: Bà Lan là con ruột của ông Bùi Quang Đ và bà Phạm Thị B. Hiện tại bà được biết ông Đ, bà B đang ly hôn tại Tòa án. Về đơn thuận tình ly hôn giữa ông Đ, bà B trong đó có chữ ký xác nhận của bà Lan, vì khi đó ông Đ đi làm ở Phú Quốc về có yêu cầu bà B và các con phải ký vào đơn, nếu không ông Đ sẽ quậy phá gia đình, sự việc kéo dài đến mấy ngày thì bà B và bà Lan cùng anh chị em mới đồng ý ký đơn. Sự việc này cũng không phải do bà B và anh em bà Lan tự nguyện ký vào đơn. Tuy nhiên với hoàn cảnh của cha mẹ như vậy thì bà nhận thấy cũng không thể tiếp tục chung sống, cuộc sống gia đình cũng không thể hàn gắn vì cha, mẹ bà cũng đã sống ly thân hơn 04 năm nay do ông Đ đi làm xa và có người phụ nữ khác nên mới nhiều lần cương quyết ly hôn. Còn việc mẹ bà không đồng ý ly hôn là do muốn gia đình được xum họp, không muốn hạnh phúc gia đình tan vỡ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Đ ly hôn với bà B. Ông Đ phải chịu án phí hôn nhân theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án tranh chấp về việc "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn bà Phạm Thị B cư trú tại khu phố Kiên Tân, thị trấn K, huyện K nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đối với quan hệ hôn nhân và con chung của vợ chồng thì áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình để xem xét giải quyết.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Ông Bùi Quang Đ và bà Phạm Thị B có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện K cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/12/2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy ông Đ có yêu cầu ly hôn nhưng bà B không đồng ý vì cho rằng mình không có lỗi trong cuộc sống hôn nhân. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên để vợ chồng trở về sống đoàn tụ nhưng ông Đ vẫn cương quyết xin ly hôn. Tại phiên tòa, ông Đ khẳng định không thể hàn gắn với bà B, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không còn yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Mặt khác, bà B cũng biết cuộc sống vợ chồng đã lâm vào bế tắc, không còn tình cảm vợ chồng, không còn yêu thương chăm lo cho nhau. Tuy bà B mong vợ chồng về chung sống đoàn tụ nhưng xét thấy hôn nhân của ông, bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình quy định*: "Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trong quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được"*. Từ những căn cứ nêu trên xét nên cho ông Đ và bà B ly hôn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống giữa ông Đ và bà B có với nhau 05 người con 1/ Bùi Thị Hồng Xuân, sinh ngày 05/3/1987, 2/ Bùi Quốc Trung, sinh ngày 06/02/1988, 3/ Bùi Thị Hồng Lan, sinh ngày 18/7/1993, 4/ Bùi Quốc Hiếu, sinh ngày 02/6/1997, 5/ Bùi Quốc Thảo, sinh ngày 02/6/1997. Các con đều đã

trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên ông, bà không yêu cầu xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Ông Đ có yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

***Vì caùc leõ treân*,**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Bùi Quang Đ được ly hôn với bà Phạm Thị B.

- Về con chung: Do các con đều đã trưởng thành ông, bà không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Ông Bùi Quang Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng. Sau khi khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0009097 ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, nên ông Đ không phải nộp thêm.

- Về quyền kháng cáo: Báo cho ông Đ và bà B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã H;
- Những người TGTT;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Pho

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**